

ISSN 0868-3808

TRUNG TÂM KINH TẾ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

# Kinh tế

## Châu Á - Thái Bình Dương

ASIA - PACIFIC ECONOMIC REVIEW

Rào cản kỹ thuật của Mỹ với hàng nông sản Việt Nam

Cá nhân hóa dịch vụ ngân hàng ở Việt Nam

Phát triển logistics xanh ở Việt Nam

Đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn

Khai thác hiệu quả hiệu ứng FOMO cho doanh nghiệp

Số 630 - Tháng 3 năm 2023



# Thuận lợi và khó khăn trong phát triển khí thiên nhiên hóa lỏng ở Việt Nam

[www.ktcatbd.com.vn](http://www.ktcatbd.com.vn)



**TRỤ SỞ CHÍNH**

176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội

**VĂN PHÒNG GIAO DỊCH**

Số 18 ngõ 49 Linh Lang, Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 0888381299

Email: ktcatbd@gmail.com

**TỔNG BIÊN TẬP**

Lê Văn Sang

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**

Lê Kim Sa (Việt Hà)

Nguyễn Hồng Phối

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC**

Trần Văn Thọ

Võ Đại Lược

Đặng Nguyên Anh

Trần Đình Thiên

Lê Bộ Lĩnh

Nguyễn Đức Thành

Trần Đức Hiệp

Bùi Quang Tuấn

Phí Mạnh Tường

Hồ Đức Hiệp

Trần Thị Nam Thắng

Chu Văn Thắng

Tô Hiến Thà

**BAN TRỊ SỰ**

Hồng Huế: 0962002215

Email: lehonghue0511@gmail.com

**BAN THƯ KÝ - BIÊN TẬP**

Hoàng Dung: 0938016618

Email: hoangdung.brand@gmail.com

Vân Anh: 0903833489

Email: ktcatbd.nc@gmail.com

**GIẤY PHÉP XUẤT BẢN:** 1545/BC-GPXB;

175/GP-BVHTT; 274/GP-BTTTT

In tại Công ty in My link

Giá: 40.000 VND

04. Thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển khí thiên nhiên hóa lỏng ở Việt Nam hiện nay  
*Lê Minh Thống, Trần Văn Hiệp*
07. Rào cản kỹ thuật trong thương mại của Mỹ đối với nông sản nhập khẩu từ Việt Nam  
*Đào Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Thanh Tâm*
10. Cá nhân hóa dịch vụ ngân hàng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam  
*Đào Thị Thanh Tú*
13. Nhu cầu nhân lực công tác xã hội trong các bệnh viện ở Việt Nam hiện nay  
*Lê Thị Hiền, Bùi Thị Kim Thoa, Đoàn Huy Hoàng*
16. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn của một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam  
*Lê Thị Hương*
19. Phát triển logistics xanh tại Việt Nam: thực trạng và giải pháp  
*Võ Hồng Sơn*
22. Khai thác hiệu quả hiệu ứng FOMO trong hoạt động bán hàng của các doanh nghiệp  
*Nguyễn Hoài Nam, Đặng Thị Thanh Lam, Cao Thị Thu Giang, Bùi Phương Giang*
25. Thu hút đầu tư vào tỉnh Hà Tĩnh: thực trạng và giải pháp  
*Trần Tú Anh, Nguyễn Thị Thu Cúc*
28. Tạo nguồn cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên: thực trạng và những khuyến nghị cho tỉnh Đắk Nông  
*Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Thích, Lê Thanh Hà*
31. Quản lý cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Nghệ An: Thực trạng và giải pháp  
*Nguyễn Thị Thảo, Thái Thị Kim Oanh*
34. Ứng dụng mô hình Servqual trong nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của du khách với trải nghiệm ẩm thực  
*Lê Trang Nhung, Nguyễn Thị Hoa*
36. Đánh giá sự hài lòng của khách du lịch về chất lượng dịch vụ tại các khách sạn 5 sao trên địa bàn Hà Nội  
*Đỗ Công Nguyên*
39. Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao vùng Đông Nam Bộ  
*Lưu Minh Huyền*
42. Giáo dục văn hóa ứng xử cho sinh viên trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay  
*Phạm Thúy Quỳnh*
45. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh  
*Phạm Thị Luyến, Trần Thị Hoàng Mai, Nguyễn Thị Thúy Quỳnh, Nguyễn Thị Thúy Vinh*
48. Sự hình thành trật tự lưỡng cực Mỹ - Trung  
*Hoàng Huệ Anh*
51. Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Bình Định  
*Hồ Thị Minh Phương, Nguyễn Thị Hiền*
54. Thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam  
*Nguyễn Thị Hồng Sâm*
59. Cơ chế điều chỉnh biên giới bằng thuế carbon EU và thách thức đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam  
*Bùi Thị Mến, Trịnh Chi Mai*
62. Mức độ phục hồi của các nền kinh tế sau đại dịch COVID-19  
*Đỗ Thanh Giang*

# Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Phạm Thị Luyến, Trần Thị Hoàng Mai  
Nguyễn Thị Thuý Quỳnh, Nguyễn Thị Thuý Vinh  
Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh. Dựa trên phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, các tác giả kiểm tra sự phù hợp của các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH của sinh viên, bao gồm: (1) Nhận thức của sinh viên đối với việc thực hiện NCKH; (2) Kiến thức cần thiết để thực hiện NCKH; (3) Giảng viên hướng dẫn; (4) Chính sách của Nhà trường đối với hoạt động NCKH của sinh viên; (5) Cơ sở vật chất và môi trường NCKH, từ các kết quả nghiên cứu để đề xuất một số khuyến nghị nhằm tăng cường hoạt động NCKH của sinh viên Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

## 1. Mở đầu

Nghiên cứu khoa học của sinh viên trong trường Đại học là một hoạt động trí tuệ giúp sinh viên vận dụng phương pháp luận và phương pháp NCKH, những tri thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp đặt ra, từ đó mở rộng và hoàn thiện vốn hiểu biết của mình. Hoạt động NCKH giúp sinh viên phát huy năng lực trí tuệ, hình thành kỹ năng mềm, phương pháp NCKH và thói quen làm việc độc lập để củng cố chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao trình độ và sáng tạo những giá trị mới cho xã hội. Ngày 09/09/2022 trường Đại học Vinh đã ban hành Quyết định số 2345/QĐ-ĐHV quy định về hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của trường Đại học Vinh. Điều đó cho thấy nhà trường đã nhận thức rõ tầm quan trọng của NCKH trong việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, hoạt động NCKH của sinh viên tại trường còn nhiều hạn chế so với tiềm năng và nguồn lực, chưa đáp ứng được kỳ vọng của nhà trường và xã hội.

## 2. Tổng quan nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Lamanauskas & Augien (2015) cho rằng, có 5 yếu tố cản trở sinh viên quan tâm đến hoạt động nghiên cứu bao gồm: (1) Động lực của học sinh thấp; (2) Khoa học và chính sách học tập không phù hợp; (3) Định hướng yếu trong việc tìm kiếm sự nghiệp nhà khoa học; (4) Sinh viên không dành đủ thời gian cho việc học, bởi vì nhiều người trong số họ phải làm việc; (5) Hội khoa học sinh viên không hoạt động. Bên cạnh đó, có 5 yếu tố thúc đẩy sinh viên thực hiện hoạt động NCKH gồm có: (1) Động lực của sinh viên; (2) Nghiên cứu hiện đại, khuyến khích tìm

kiếm vấn đề và giải pháp; (3) Quan điểm của các nghiên cứu trong khóa học thạc sĩ; (4) Khuyến khích và hỗ trợ từ giảng viên; (5) Hoạt động của sinh viên và mong muốn thử những hoạt động mới. Từ việc khám phá ra những nhân tố cản trở và thúc đẩy trên, nhóm tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế các nhân tố cản trở và phát triển các nhân tố thúc đẩy, tuy nhiên các giải pháp còn mang tính khái quát chưa được triển khai nội dung cụ thể.

Theo nghiên cứu của Kim Ngọc và Hoàng Nguyên (2015), có 4 nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH Sinh viên tại Đại học Duy Tân gồm: (1) Khả năng và định hướng nghiên cứu của sinh viên; (2) Môi trường nghiên cứu; (3) Sự quan tâm của Khoa; (4) Sự quan tâm và khuyến khích của Trường. Trong đó, nhân tố Khả năng và định hướng nghiên cứu của sinh viên tác động mạnh nhất đến hoạt động NCKH sinh viên tại Đại học Duy Tân. Tương tự, Hà Đức Sơn & Nông Thị Như Mai (2019), đã chỉ ra 04 yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia NCKH của sinh viên là: Môi trường nghiên cứu, Động cơ, Năng lực của sinh viên và Sự quan tâm khuyến khích của nhà trường. Trong đó, yếu tố môi trường nghiên cứu có ảnh hưởng nhiều nhất, rồi đến động cơ, đến sinh viên và cuối cùng mới đến sự khuyến khích của nhà Trường.

Phạm Quang Văn và các cộng sự (2018) đã đề xuất mô hình nghiên cứu có 5 nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH của sinh viên: (1) Chính sách của nhà Trường; (2) Cơ quan thực tập - doanh nghiệp; (3) Sinh viên; (4) Giảng viên; (5) Cơ sở vật chất của Nhà trường. Theo kết quả mô hình cho thấy, nhóm Cơ quan thực tập - doanh nghiệp chưa có sự tác động đến động lực NCKH của sinh viên trong hiện tại. Theo Võ Vương Bách và Nguyễn Thanh Phi Vân (2022), có 5 nhân tố là giảng viên, chính sách nhà trường, nhận thức của sinh viên và

lợi ích khi tham gia NCKH tác động tích cực đến hành vi dự định tham gia NCKH của sinh viên. Trong đó, lợi ích của NCKH đối với sinh viên là thành phần có tác động mạnh nhất đến hành vi dự định tham gia NCKH của sinh viên.

Dựa vào tổng quan nghiên cứu và lý thuyết nghiên cứu nhóm tác giả đã đề xuất mô hình nghiên cứu với 5 biến độc lập tương ứng với 5 nhân tố tác động đến hoạt động NCKH, bao gồm: Nhận thức của sinh viên đối với việc thực hiện NCKH (NT); Kiến thức cần thiết để sinh viên thực hiện NCKH (KTCT); Giảng viên hướng dẫn (GVHD); Chính sách của nhà trường đối với hoạt động NCKH của sinh viên (CS); Cơ sở vật chất và môi trường NCKH (MTNC).

Nhóm tác giả đưa các thang đo của các nhân tố vào phiếu khảo sát, sử dụng thang đo Likert từ 1- 5 để đo lường. Phương pháp phân tầng được sử dụng để chia mẫu nghiên cứu thành 03 nhóm: (1) sinh viên năm 2, (2) sinh viên năm 3, (3) sinh viên năm 4 của trường Kinh tế, trường Đại học Vinh. Ngoài ra, phương pháp phân tầng còn được sử dụng để chia mẫu nghiên cứu thành 4 nhóm sinh viên theo ngành học: (1) ngành Kế toán, (2) ngành Kinh tế, (3) ngành Quản trị kinh doanh; (4) ngành Tài chính ngân hàng. Để đảm bảo số lượng mẫu phù hợp cho nghiên cứu, nhóm tác giả tiến hành phát 320 phiếu khảo sát để tiến hành khảo sát sinh viên trường Kinh tế, số phiếu thu về đủ 320 phiếu, số phiếu không phù hợp được loại ra là 20 phiếu (do thông tin trả lời không đầy đủ). Vì vậy tổng số mẫu hợp lệ đưa vào phân tích và xử lý là 300 phiếu, chiếm tỉ trọng 93.75% trên tổng số phiếu phát ra.

Thông qua phần mềm thống kê SPSS tác giả dùng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha để đánh giá độ tin cậy các thang đo nhằm mục đích tìm ra những câu hỏi phù hợp và có ý nghĩa trong bài nghiên cứu. Sau đó, tác giả tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA). Các giả thuyết được đề xuất gồm có:

H1: Hoạt động NCKH của sinh viên chịu tác động bởi nhân tố nhận thức của sinh viên về NCKH (+).

H2: Kiến thức cần thiết của sinh viên tác động đến hoạt động NCKH của sinh viên (+).

H3: Khi giảng viên hướng dẫn hỗ trợ nhiệt tình sẽ nâng cao hoạt động NCKH của sinh viên (+).

H4: Chính sách của nhà trường đối với hoạt động NCKH của sinh viên tác động trực tiếp đến hoạt động NCKH của sinh viên trường Kinh tế, trường Đại học Vinh (+).

H5: Hoạt động NCKH của sinh viên trường Kinh tế, trường Đại học Vinh bị ảnh hưởng trực tiếp bởi môi trường nghiên cứu (+).

### 3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả Cronbach's Alpha của các thang đo độc

lập và phụ thuộc được tính toán bằng phần mềm SPSS 20.0, cụ thể như sau:

Nhân tố NT: Cronbach's Alpha = 0.822 > 0.6, các biến thang đo nhân tố đều có hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0.3. Vì vậy thang đo này đạt yêu cầu và được dùng cho các bước nghiên cứu tiếp, bao gồm NT1 (NCKH giúp hiểu sâu hơn về lý thuyết/chuyên môn); NT2 (NCKH giúp hiểu thêm về thực tiễn), NT3 (NCKH là điều kiện để phát triển bản thân trong quá trình học tập), NT4 (Sinh viên thích thực hiện NCKH).

Nhân tố KTCT: có Cronbach's Alpha = 0.817 > 0.6, các biến thang đo nhân tố đều có hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0.3. Vì vậy thang đo này đạt yêu cầu và được dùng cho các bước nghiên cứu tiếp, bao gồm: KTCT1 (Kiến thức về chuyên ngành của sinh viên đủ để thực hiện NCKH); KTCT2 (Sinh viên thường xuyên được cập nhật các kiến thức trong lĩnh vực chuyên môn/học tập của mình), GVHD3 (Sinh viên có kiến thức NCKH tốt), KTCT4 (Sinh viên có khả năng ngoại ngữ tốt).

Nhân tố GVHD: có Cronbach's Alpha = 0.883 > 0.6, các biến thang đo nhân tố đều có hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0.3. Vì vậy thang đo này đạt yêu cầu và được dùng cho các bước nghiên cứu tiếp, bao gồm: GVHD1 (Giảng viên có nhiều kinh nghiệm, kiến thức, có thể chỉ bảo, hướng dẫn cách làm, định hướng cho sinh viên trong việc nghiên cứu); GVHD2 (Giảng viên nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên trong quá trình nghiên cứu, GVHD3 (Giảng viên thường xuyên khuyến khích, tạo động lực và sự hợp tác giữa các sinh viên trong NCKH), GVHD4 (Giảng viên thường xuyên quan tâm đến tình trạng của nhóm nghiên cứu, kịp thời hỗ trợ sinh viên khi gặp khó khăn, vướng mắc trong NCKH).

Nhân tố CS: có Cronbach's Alpha = 0.846 > 0.6, giá trị tương quan tổng hiệu chỉnh của 4 biến quan sát đều lớn mức tối thiểu (lớn hơn 0.3) nên đều có quan hệ chặt chẽ với nhau, do đó các biến thang đo này được dùng để đo lường yếu tố Môi trường nghiên cứu (MTNC) trong phân tích tiếp theo bao gồm: MTNC1 (Thủ tục hành chính khi thực hiện đề tài NCKH đơn giản; MTNC2 (Nhà trường có kinh phí hợp lý dành cho NCKH của sinh viên); MTNC3 (Hệ thống mạng wifi miễn phí và hiệu quả; MTNC4 (Sinh viên được tạo điều kiện về thời gian NCKH phù hợp).

Nhân tố MTNC: có Cronbach's Alpha = 0.850 > 0.6, giá trị tương quan tổng hiệu chỉnh của 4 biến quan sát đều lớn mức tối thiểu (lớn hơn 0.3) nên đều có quan hệ chặt chẽ với nhau, do đó các biến thang đo này được dùng để đo lường yếu tố Môi trường nghiên cứu (MTNC) trong phân tích tiếp theo bao gồm: MTNC1 (Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, thuận tiện trong nghiên cứu; MTNC2 (Hệ thống máy tính sẵn có,

thuận tiện trong sử dụng và truy cập dữ liệu); MTNC3 (Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động NCKH; MTNC4 (Nhà trường có mối quan hệ tốt với mạng lưới doanh nghiệp, hỗ trợ hiệu quả cho sinh viên trong tìm hiểu thực tiễn).

Trên cơ sở kết quả thu được từ bảng ma trận xoay các nhân tố với các hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0,5, từ 5 yếu tố độc lập ban đầu với 20 biến quan sát đưa vào phân tích nhân tố EFA, sau khi phân tích, ta giữ nguyên cả 5 yếu tố với 20 biến quan sát.

**Bảng 1. Phân tích nhân tố khám phá EFA**

	Thành phần (Component)				
	1	2	3	4	5
NT4	0.758				
NT2	0.719				
NT1	0.698				
NT3	0.697				
KTCT4		0.731			
KTCT3		0.714			
KTCT2		0.706			
KTCT1		0.691			
GVHD1			0.758		
GVHD2			0.743		
GVHD3			0.726		
GVHD4			0.680		
CS2				0.725	
CS3				0.720	
CS4				0.709	
CS1				0.706	
MTNC4					0.797
MTNC2					0.669
MTNC1					0.581
MTNC3					0.753

*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả*

#### 4. Đề xuất các khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị như sau:

- Đối với giảng viên và sinh viên

Giảng viên là người đóng vai trò quan trọng trong việc vạch ra mục tiêu, nhiệm vụ, gợi mở hướng giải quyết các vấn đề trong quá trình nghiên cứu. Việc tương tác tốt giữa cả hai phía sinh viên và giảng viên sẽ đẩy nhanh tiến độ và ảnh hưởng lớn đến kết quả nghiên cứu. Với vai trò là người chỉ ra phương hướng, kế hoạch nghiên cứu cho sinh viên thì yêu cầu đặt ra là giảng viên phải có trình độ và khả năng NCKH tốt. Tùy theo tính chất của đề tài nghiên cứu mà người giảng viên cần phân chia tiến độ thực hiện, theo dõi quá trình nghiên cứu của sinh viên.

Về phía sinh viên, cần chủ động tương tác với giảng viên cũng như tích cực tự tìm tòi các chủ đề nghiên cứu. Bản thân sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH, có niềm đam mê và ý thức tự giác tham gia vào các hoạt động NCKH.

- Giải pháp từ phía nhà trường

Thứ nhất, nhà trường nên xây dựng chính sách cho sinh viên thực hiện đề tài NCKH thay vì làm khóa luận tốt nghiệp, đó là bước tiến mới giúp cho sinh viên có cơ hội thực hành tốt công việc NCKH và được Trường ghi nhận đóng góp của họ khi tham gia NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường nên chú trọng đầu

tư kinh phí để sinh viên và giảng viên có cơ hội nghiên cứu, có những hình thức hỗ trợ, khen thưởng phù hợp để tạo động lực cho sinh viên và cả giảng viên khi tham gia NCKH. Ngoài ra, Nhà trường nên thành lập các câu lạc bộ về NCKH để trao đổi kinh nghiệm, hoặc chia sẻ những khó khăn khúc mắc, hay những thông tin mới về chủ đề có liên quan đến các công trình nghiên cứu đang thực hiện để đạt được kết quả tốt nhất trong việc nghiên cứu.

Thứ hai, Nhà trường nên quan tâm nâng cấp các thiết bị trong phòng thí nghiệm theo hướng hiện đại, đáp ứng được việc NCKH trong thời kỳ hội nhập. Bên cạnh đó, cần tăng cường đầu tư thêm các đầu sách, tài liệu điện tử trong thư viện, vì khi sinh viên không thể thực hành trong phòng thí nghiệm thì sinh viên vẫn có thể tìm hiểu thêm kiến thức mà mình nghiên cứu trên các nguồn tài liệu này. Nhà trường cần có sự liên kết với doanh nghiệp trong các hoạt động NCKH của sinh viên nhằm giúp tạo ra các sản phẩm có tính ứng dụng cao. Đây cũng là tiền đề để sinh viên tiếp cận các công việc trong tương lai. Từ đó, giúp sinh viên thấy được những kết quả rõ nét hơn của công trình mình nghiên cứu, có thể nhận được thêm sự hỗ trợ về kinh phí cho quá trình nghiên cứu cũng như đảm bảo được đầu ra cho công trình nghiên cứu mang tính ứng dụng thực tế./.

#### Tài liệu tham khảo

Võ Vương Bách, Nguyễn Thanh Phi Vân (2022), Những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia NCKH của sinh viên khoa Quản trị kinh doanh, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/nhung-yeu-to-anh-huong-den-quyet-dinh-tham-gia-nghien-cuu-khoa-hoc-cua-sinh-vien-khoa-quan-tri-kinh-doanh-88384.htm>.

Nguyễn Thị Mỹ Duyên, Nguyễn Minh Tôn (2022), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực tham gia NCKH của sinh viên Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Công Thương, số 21, tháng 9 năm 2022.

Đình Trần Dũng (2021), Đề xuất mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thực hiện NCKH của giảng viên, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số tháng 6/2021.

Lamanauskas, V., Augien, D. (2015). Development of Scientific Research Activity in University: A Position of the Experts. Procedia - Social and Behavioral Sciences 167:131-140,

Hà Đức Sơn, Nông Thị Như Mai (2018), Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia NCKH của sinh viên - nghiên cứu trường hợp Đại học Tài chính - Marketing, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing số 49, 02/2019.